

# Bảo hiểm nuôi trồng thủy sản ở Trung Quốc và hàm ý chính sách đối với Việt Nam

Nguyễn Xuân Trinh\*, Trịnh Văn Tiến, Nguyễn Mạnh Cường

*Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản*

Ngày nhận bài 5/8/2020; ngày chuyển phân biện 10/8/2020; ngày nhận phân biện 14/9/2020; ngày chấp nhận đăng 22/9/2020

## Tóm tắt:

Bảo hiểm (BH) đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển ổn định và bền vững của lĩnh vực nuôi trồng thủy sản (NTTS). Kể từ năm 2012 đến nay, Chính phủ Trung Quốc đã triển khai Chương trình thí điểm BH NTTS với nhiều sản phẩm và mô hình BH, qua đó hình thành được thị trường BH và thu hút đông đảo đối tượng từ phía cung và cầu tham gia; trong đó BH theo chỉ số thời tiết là phương pháp được áp dụng với nhiều đối tượng NTTS và đạt được kết quả khả quan. Nghiên cứu, đúc rút kinh nghiệm triển khai BH NTTS ở Trung Quốc là cơ sở giúp cho các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách tìm kiếm và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển thị trường BH NTTS tại Việt Nam.

**Từ khóa:** bảo hiểm, nuôi trồng thủy sản, rủi ro, Trung Quốc.

**Chỉ số phân loại:** 5.2

## **Đặt vấn đề**

NTTS là ngành sản xuất chịu nhiều rủi ro từ thiên tai. Rủi ro không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến người sản xuất mà còn ảnh hưởng đến chuỗi sản xuất và an ninh lương thực của toàn xã hội [1]. Tham gia BH không chỉ người nông dân và doanh nghiệp BH có lợi mà các tổ chức tài chính, ngân hàng cũng có lợi (giúp đảm bảo chắc chắn các nguồn vốn vay, giảm nợ xấu); Nhà nước khơi thông được nguồn vốn vào hoạt động sản xuất [2]. Tuy nhiên, tổng kết 3 năm thực hiện Quyết định 315/QĐ-TTg ngày 1/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm bảo hiểm nông nghiệp (BHNN) cho thấy lĩnh vực NTTS có tỷ lệ thất thu trong BH là hơn 300% [3]. Điều này cho thấy những khó khăn trong việc xây dựng và triển khai chính sách BH NTTS ở Việt Nam.

BH NTTS đã được nhiều nước trên thế giới quan tâm, nghiên cứu. Tuy nhiên các mô hình áp dụng chủ yếu vẫn là các mô hình thí điểm. Đối với Việt Nam, trong bối cảnh tác động gia tăng của thiên tai và biến đổi khí hậu, vai trò của BH đối với NTTS trở nên quan trọng hơn, do đó việc nghiên cứu tìm kiếm các giải pháp thúc đẩy BH NTTS là rất cần thiết, nhằm giảm thiểu thiệt hại do rủi ro thiên tai, góp phần đảm bảo sản xuất ổn định và bền vững lĩnh vực thủy sản hiện nay.

## **Chương trình thí điểm BH NTTS ở Trung Quốc**

Trung Quốc là quốc gia dẫn đầu thế giới về quy mô và sản lượng NTTS. Trong những năm qua, Chương trình thí điểm BH NTTS được thực hiện ở nhiều nơi với nhiều mô hình khác nhau và đã đạt được những kết quả nhất định, đóng góp tích cực cho phát triển lĩnh vực NTTS của nước này.

\*Tác giả liên hệ: Email: nguyentuantrinh2003@gmail.com

## **Tóm lược Chương trình thí điểm BH NTTS của Trung Quốc**

Chương trình thí điểm BH NTTS của Trung Quốc đã được triển khai từ năm 2012 tại 8 tỉnh/thành phố (Bắc Kinh, Thượng Hải, Trùng Khánh, An Huy, Giang Tô, Phúc Kiến, Quảng Tây, Cát Lâm), với sự tham gia của 6 công ty BH trong nước, 2 công ty nước ngoài và triển khai trên diện tích NTTS là 5.300 ha, chiếm gần 1% diện tích NTTS của Trung Quốc [4]. Đến năm 2015, Chương trình đã mở rộng ra các tỉnh Quảng Đông, Chiết Giang, Sơn Đông, Tứ Xuyên, Hồ Bắc, Liêu Ninh, Hải Nam, nâng tổng số các tỉnh/thành phố tham gia Chương trình lên con số 15.

Hai phương thức BH NTTS được áp dụng trong Chương trình thí điểm BH NTTS ở Trung Quốc là BH tương hỗ và BH thương mại. Trong đó, BH tương hỗ do Hiệp hội BH tương hỗ thủy sản Trung Quốc (CFMI) điều hành và chịu sự quản lý, giám sát của Bộ Nông nghiệp Trung Quốc (MOA); BH thương mại do các công ty BH điều hành dưới sự giám sát của Ủy ban Giám sát BH Trung Quốc [5].

Trong giai đoạn 2012-2015 đã có 27 đề án thí điểm BH được triển khai thực hiện cho 8 đối tượng NTTS, theo 2 loại hình BH chính: BH tương hỗ và BH thương mại nhưng được thử nghiệm theo 4 mô hình khác nhau, gồm: BH tương hỗ, BH thương mại, BH tương hỗ + thương mại và BH thương mại + dịch vụ. Khách hàng tham gia Chương trình chủ yếu là các hợp tác xã (HTX) NTTS hoặc trang trại NTTS có quy mô trung bình. Bảng 1 trình bày các thông tin tóm lược của Chương trình thí điểm BH NTTS ở Trung Quốc trong giai đoạn 2012-2015.

# Overview the aquaculture insurance in China and policy implications for Vietnam

Xuan Trinh Nguyen\*, Van Tien Trinh,  
Manh Cuong Nguyen

Vietnam Institute of Fisheries Economics and Planning

Received 5 August 2020; accepted 22 September 2020

## Abstract:

Aquaculture insurance plays an important role in the stable and sustainable development of the aquaculture sector. Since 2012 until now, the Chinese government has implemented the pilot program of aquaculture insurance with many products and insurance models, thereby forming an insurance market and attracting a large number of the participant on both the supply and demand sides. In particular, weather index-based insurance is the method applied to many aquaculture subjects in China and has achieved good results. Researching and learning from experiences in implementing aquaculture insurance in China is the basis for researchers and policy makers to find and propose solutions to develop the aquaculture insurance market in Viet Nam.

**Keywords:** aquaculture, China, insurance, risk.

**Classification number:** 5.2

**Bảng 1. Đối tượng, phạm vi, loại hình BH và mô hình BH NTTS.**

Tỉnh/thành phố	Năm	Đối tượng BH	Mô hình BH	Phương pháp BH
Quảng Đông	2013	Tôm thẻ chân trắng	Thương mại	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
Quảng Tây	2015	Tôm thẻ chân trắng	Tương hỗ	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
	2015	Hàu biển	Thương mại	Chỉ số gió
Giang Tô	2013	Cá nước ngọt	Tương hỗ	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
	2013	Cua nước ngọt	Thương mại	Chỉ số nhiệt độ
	2014	Cua nước ngọt	Thương mại	Chỉ số nhiệt độ
	2015	Rong biển	Tương hỗ	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
	2015	Tôm thẻ chân trắng	Tương hỗ + thương mại	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
Sơn Đông	2012	Cá nước ngọt	Tương hỗ	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
	2014	Rong biển	Thương mại	Chỉ số gió
Tứ Xuyên	2013	Cá nước ngọt	Tương hỗ	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
	2013	Cá nước ngọt	Tương hỗ + thương mại	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
Chiết Giang	2013	Rong biển	Tương hỗ	Chỉ số gió + nhiệt độ
	2013	Tôm thẻ chân trắng	Tương hỗ	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
	2014	Tôm thẻ chân trắng	Tương hỗ	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
An Huy	2014	Cá nước ngọt	Tương hỗ + thương mại	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
	2015	Cá nước ngọt	Tương hỗ + thương mại	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
Hồ Bắc	2014	Tôm càng xanh	Tương hỗ + thương mại	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
Thượng Hải	2012	Tôm thẻ chân trắng	Thương mại + dịch vụ	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
	2013	Rong biển	Tương hỗ	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
Phúc Kiến	2015	Tôm thẻ chân trắng	Tương hỗ	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
	2015	Cá chép	Tương hỗ	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
	2015	Cá + lúa	Tương hỗ	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
Cát Lâm	2014	Cá nước ngọt	Tương hỗ	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
Hải Nam	2014	Hải sản biển	Thương mại	Chỉ số gió
	2015	Cua biển	Thương mại	Chỉ số nhiệt độ
Liêu Ninh	2015	Cá nước ngọt	Tương hỗ	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh
	2015	Hải sâm	Thương mại	Chỉ số nhiệt độ

Nguồn: tổng hợp từ báo cáo của FAO (2017) [6].

## Cơ chế chính sách thực hiện Chương trình

BH NTTS ở Trung Quốc chịu sự điều chỉnh của Luật Nông nghiệp, Luật Thủy sản, Luật BH và Quy chế BHNN. Trong Luật Nông nghiệp Trung Quốc (có hiệu lực từ ngày 1/3/2003), Điều 46 quy định: Chính phủ phải thiết lập và thực hiện hệ thống BHNN theo định hướng chính sách; khuyến khích và hỗ trợ thành lập các tổ chức BH tương hỗ và thực hiện các chương trình BH cho sản xuất và hoạt động nông nghiệp; đồng thời khuyến khích các công ty BH thương mại cung cấp các chương trình BHNN. Quy định này cũng tương đồng với Luật BH Trung Quốc (có hiệu lực

ngày 1/10/2009). Cụ thể, Chương 8, Điều 186 quy định: Chính phủ phải hỗ trợ BH cho sản xuất và dịch vụ nông nghiệp [7].

Quy chế BHNN và Chương trình BH thủy sản đã được Quốc hội Trung Quốc thông qua (1/3/2013). Trong đó, tại Điều 3 quy định vai trò của Chính phủ trong việc hỗ trợ phát triển các hình thức BHNN đa dạng và cải thiện hệ thống BHNN theo định hướng chính sách. Nội dung bản Quy chế cũng xác định trách nhiệm của các cấp chính quyền, tổ chức, hoạt động và tài trợ cho BHNN. Trong đó, Hiệp hội BH tương hỗ thủy sản Trung Quốc kết hợp với Bộ Nông nghiệp được xác định là tổ chức cơ bản thực hiện chương trình BH thủy sản.

**Chính sách và quy định cấp địa phương:** Chương trình BH NTTS dựa trên các “quy định khung” của Quy chế BHNN và căn cứ vào mô hình NTTS cụ thể để tiến hành thỏa thuận với các công ty BH về kinh phí quản lý, mức phí và tỷ lệ trợ cấp BH, trách nhiệm, quy trình và khung thời gian theo dõi, giám sát, đánh giá, đền bù của tổ chức BH cũng như người tham gia. Ngoài ra, tùy từng điều kiện của địa phương, chính quyền tỉnh còn ban hành các quy định cho phép người mua BH được sử dụng hợp đồng BH bảo lãnh vay vốn nông nghiệp, miễn thuế cho doanh nghiệp mua BH và các công ty BH tham gia chương trình.

**Chính sách trợ cấp BH:** trợ cấp BHNN nói chung và NTTS nói riêng từ nguồn ngân sách của chính quyền Trung ương, tỉnh và quận/huyện. Khoản trợ cấp chủ yếu cung cấp cho nông dân tham gia dưới hình thức trợ cấp phí BH; ngoài ra còn trợ cấp khoản chi phí hành chính cho đơn vị điều hành BH (trường hợp BH tương hỗ), hoặc hỗ trợ cho các công ty BH (trường hợp tỷ lệ thua lỗ vượt quá khả năng chi trả của công ty BH).

Trợ cấp BH từ nguồn ngân sách trung ương là thống nhất trên toàn quốc, trong khi mức trợ cấp của địa phương tùy theo doanh thu năm tài chính của tỉnh. Theo đó, các khoản trợ cấp phí BH là khác nhau giữa các sản phẩm BH và các tỉnh, nhưng tổng mức trợ cấp BH cho các hoạt động BH thường trên 50% giá trị phí BH [7]. Các công ty BHNN cũng được miễn thuế doanh thu (5%), thuế khoán (0,003%) và được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Chính sách tài trợ BH:** Chính phủ Trung Quốc khuyến khích các công ty BH tư nhân cung cấp dịch vụ tái BH dựa trên bản thỏa thuận tái BH thiên tai giữa chính quyền tỉnh và các công ty BH địa phương. Mức bồi thường theo từng trường hợp cho các công ty BH nếu tỷ lệ tổn thất của họ vượt quá mức quy định (từ 200 đến 500%) [7].

**Sản phẩm và mô hình BH**

Hai sản phẩm BH được áp dụng trong Chương trình thí điểm BH NTTS gồm: i) BH hiểm họa định danh: BH từng hiểm họa riêng rẽ (bảng 2), đó là chỉ số gió, nhiệt độ và bão; ii) BH đa hiểm họa: BH các hiểm họa thiên tai và dịch bệnh có thể gây ra tổn thất trên diện rộng. Hai sản phẩm BH này có đặc điểm chung là số tiền BH dựa vào chi phí sản xuất và phạm vi không chỉ BH trực tiếp đối với đối tượng NTTS mà còn BH các thiệt hại đối với cơ sở vật chất NTTS.

**Bảng 2. Đặc điểm cơ bản của 4 mô hình BH NTTS của Trung Quốc.**

Đối tượng BH	Phương pháp BH	Giá trị được BH (NDT/ha)	Tỷ lệ phí BH (%)	Tỷ lệ chia sẻ phí BH (%)	Thời gian áp dụng	Tỷ lệ tổn thất (%)
<b>1 - BH tương hỗ</b>						
Rong biển	Chỉ số gió + nhiệt độ	266,7	4,8	30:10:0:60	8 tháng	0
Rong biển	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh	53,3	8	50:30:10:20	8 tháng	-
Cá nước ngọt	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh	166,7	8	80:0:0:20	1 năm	-
Tôm thẻ chân trắng	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh	333,3	8	32,5:32,5:0:35	70 ngày	155
Tôm thẻ chân trắng	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh	333,3	8	32,5:32,5:0:35	70 ngày	90
Tôm thẻ chân trắng	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh	133,3	9	50:20:0:30	70 ngày	-
Tôm thẻ chân trắng	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh	333,3	5	40:30:0:30	70 ngày	0
Cá chép	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh	266,7	5	40:30:0:30	1 năm	0
Cá nước ngọt + lúa	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh	40,0	5	40:30:0:30	1 năm	0
<b>2 - BH tương hỗ + thương mại</b>						
Cá nước ngọt	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh	133,3	9	0:30:40:30	1 năm	29,7
Cá nước ngọt	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh	133,3	7	0:30:40:30	1 năm	30,6
Cá nước ngọt	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh	800,0	5	0:77:0:23	1 năm	60
<b>3 - BH thương mại</b>						
Tôm thẻ chân trắng	Chỉ số bão	333,3	8	0:32,5:32,5:35	70 ngày	76
Hàu biển	Chỉ số gió	600,0	7	0:70:0:30	1 năm	-
Cua nước ngọt	Chỉ số nhiệt độ	122,2	6	0:25:25:50	1 năm	30
Cua nước ngọt	Chỉ số nhiệt độ	133,3	5,5	0:60:0:40	1 năm	-
Rong biển	Chỉ số gió	133,3	5	0:50:0:50	8 tháng	50
<b>4 - BH thương mại + dịch vụ</b>						
Tôm thẻ chân trắng	Chỉ số thủy văn + dịch bệnh	166,7	18	0:80:0:20	70 ngày	53

Nguồn: tổng hợp từ báo cáo của FAO (2017) [6].

**Mô hình BH tương hỗ:** rong biển, tôm thẻ chân trắng và cá nước ngọt là những đối tượng thủy sản có bề dày lịch sử về nuôi trồng ở Trung Quốc, cơ quan chức năng và người dân đã tích lũy được kinh nghiệm trong việc đối phó với dịch bệnh, kết quả kinh doanh BH trong lịch sử của các công ty BH địa phương cũng có sẵn số liệu lịch sử về tổn thất do thiên tai và dịch bệnh. Đây chính là cơ sở quan trọng để lựa chọn và đưa các đối tượng NTTS này vào mô hình BH tương hỗ. Trong mô hình này, mức tiền bồi thường và giá trị được BH được xác định dựa vào chi phí

sản xuất mà hộ nông dân đầu tư tính trên đơn vị diện tích NTTS, mức phí BH dao động từ 4,8 đến 9% so với tổng giá trị được BH tùy theo đối tượng và địa bàn triển khai. Mức phí BH được chia sẻ theo tỷ lệ chủ yếu là Nhà nước từ 30 đến 80%, chính quyền tỉnh từ 0 đến 32%, chính quyền huyện 0% và người dân bỏ ra 20-35%. Thời gian BH gắn liền với chu kỳ sinh trưởng của đối tượng nuôi và xác định dựa vào thời vụ từ khi thả nuôi đến khi cho thu hoạch. Kết quả triển khai mô hình BH này cho thấy tôm thẻ chân trắng có tỷ lệ tổn thất cao nhất (90-155%), trong khi nuôi cá nước ngọt không bị tổn thất.

**Mô hình BH tương hỗ + thương mại:** chủ trương “cải thiện cơ chế rủi ro và chuyên giao rủi ro đối với tổn thất thiên tai - theo định hướng chính sách” đã được các tỉnh vận dụng và triển khai theo mô hình BH tương hỗ + thương mại. Về cơ bản, mức tiền bồi thường, giá trị được BH và mức phí BH được xác định tương tự như mô hình BH tương hỗ. Khác biệt lớn nhất trong mô hình này là ngân sách trung ương không trợ cấp phí BH, chính quyền tỉnh và huyện tự cận đối ngân sách và tiến hành thương lượng với các công ty BH để xác định mức phí theo hai hình thức: 1) Định phí bằng phân tích tính toán BH theo số liệu thống kê của tỉnh về diện tích NTTS, tỷ lệ phần trăm diện tích NTTS bị ảnh hưởng bởi thiên tai và tỷ lệ phần trăm năng suất bị thiệt hại do dịch bệnh; 2) Công ty BH dựa vào nguy cơ bị tổn thất hoặc kết quả kinh doanh BH trong lịch sử để tính ra các mức phí BH khác nhau, trên cơ sở đó chính quyền tỉnh xây dựng phương án và quyết định mức chia sẻ phí BH với tỷ lệ 70-77%, người dân đóng góp 23-30%. Kết quả triển khai mô hình này cho thấy tỷ lệ tổn thất dao động 30-60%, cao hơn so với mô hình BH tương hỗ.

**Mô hình BH thương mại:** BH thương mại áp dụng đối với 4 đối tượng NTTS là tôm thẻ chân trắng, hàu biển, cua nước ngọt và rong biển. Mô hình này sử dụng BH hiểm họa định danh và áp dụng phương pháp BH chỉ số để xác định ngưỡng tổn thất và mức bồi thường. Các chỉ số được tính toán bằng số liệu ghi chép của các trạm khí tượng - thủy văn thuộc bên thứ ba, vì thế đưa ra biện pháp khách quan cho việc trả tiền bồi thường tổn thất.

**Mô hình BH thương mại + dịch vụ:** đây là mô hình duy nhất được triển khai ở Thượng Hải giữa Công ty BHNN Anxin và HTX nuôi tôm. Trong mô hình này, công ty BH quản lý rủi ro dựa trên số liệu của các trạm thủy văn để xác định mức độ tổn thất và chi trả tiền bồi thường trong trường hợp xảy ra rủi ro thiên tai; HTX chịu trách nhiệm tổ chức chương trình BH với các xã viên và thực hiện các hoạt động dịch vụ kỹ thuật với công ty BH trong việc xác định dịch bệnh, đánh giá mức độ thiệt hại do dịch bệnh gây ra. Ngoài phương thức dịch vụ kỹ thuật cho công ty BH, HTX còn được khuyến khích trao thưởng 7% nếu tỷ lệ tổn thất thấp hơn 60%. Cơ chế hoạt động của mô hình này đã mang lại lợi ích cho cả hai bên. Trong vụ sản xuất năm 2015, HTX đã báo cáo tỷ lệ tổn thất là 53% và đã được công ty thưởng 7% tổng doanh thu phí BH.

## Một số vấn đề rút ra từ Chương trình thí điểm BH NTTS ở Trung Quốc

### Khung pháp lý, cơ chế triển khai và tổ chức thực hiện

**Về khung pháp lý đối với hoạt động BH NTTS:** mặc dù chính quyền trung ương Trung Quốc đã cam kết mạnh mẽ cho việc phát triển BH và coi đây như là một công cụ quản lý rủi ro, nhưng trong hệ thống văn bản pháp luật về BH vẫn chưa có Luật BHNN mà hoàn toàn dựa vào Quy chế BHNN với các “quy định khung”. Trong khi đó, mục tiêu của BH NTTS là nhằm giúp nông dân ổn định sản xuất chứ không phải nhằm đạt lợi nhuận tối đa như lĩnh vực BH cây trồng, vật nuôi, nên cơ chế thực hiện rất khó đảm bảo cân bằng giữa lợi ích của người tham gia BH và lợi ích của công ty BH. Từ đây đặt ra vấn đề hoàn thiện khung khổ pháp lý riêng biệt đối với BHNN, cần được xây dựng để đảm bảo hoạt động BH NTTS vận hành theo cơ chế thị trường; không chỉ riêng trường hợp Trung Quốc mà Việt Nam cũng cần khắc phục điểm này.

**Về cơ chế triển khai:** do đang trong giai đoạn triển khai thử nghiệm, các đề án BH NTTS được triển khai theo cơ chế thỏa thuận giữa chính quyền địa phương và tổ chức BH về kinh phí quản lý, mức phí BH, trách nhiệm, quy trình và khung thời gian theo dõi, giám sát, đánh giá, đền bù của tổ chức BH. Do đó, cơ chế triển khai BH NTTS ở Trung Quốc chưa thống nhất giữa các địa phương và giữa các mô hình BH; trong khi đó Việt Nam đã thực hiện tốt hơn bước này, cơ chế triển khai đã được quy định cụ thể trong Thông tư số 101/TT-BTC.

**Về tổ chức thực hiện:** Chương trình BH NTTS ở Trung Quốc thực hiện thí điểm theo 2 phương thức: BH tương hỗ và BH thương mại. Trong đó, BH tương hỗ, với hạt nhân là Hiệp hội BH tương hỗ thủy sản Trung Quốc - một tổ chức dân sự phi lợi nhuận - hoạt động tương đối hiệu quả trong bối cảnh nguồn trợ cấp dồi dào từ chính quyền trung ương và địa phương; BH thương mại theo hình thức hợp tác công tư, mặc dù đã huy động được các doanh nghiệp BH tham gia, nhưng hiệu quả triển khai và kết quả đạt được vẫn chưa như mong đợi. Như vậy, BH thương mại NTTS ở Trung Quốc chưa có nhiều điểm sáng để chúng ta học hỏi, ngoại trừ các biện pháp thúc đẩy sự tham gia của các doanh nghiệp BH; BH tương hỗ có tiềm năng áp dụng cho lĩnh vực NTTS ở nước ta, tuy nhiên lĩnh vực NTTS cần phải được tổ chức lại sản xuất theo liên kết ngang, hình thành HTX ở địa phương và thúc đẩy vai trò của các tổ chức hiệp hội.

### Trợ cấp BH

Chính phủ Trung Quốc chủ trương sử dụng các khoản trợ cấp phí BHNN như là một biện pháp khuyến khích nông dân nâng cao năng suất, sản lượng, nhất là đối với BH cho cây trồng và vật nuôi. Đối với lĩnh vực NTTS, khoản trợ cấp chủ yếu cung cấp cho nông dân tham gia dưới hình thức trợ cấp phí BH; ngoài ra còn trợ cấp khoản chi phí hành chính cho đơn vị điều hành BH (trường hợp BH tương hỗ), hoặc hỗ trợ cho các công ty BH



(trường hợp tỷ lệ thua lỗ vượt quá khả năng chi trả của công ty BH). Các khoản trợ cấp này đã khiến cho chi phí BH NTTS ở mức có thể chấp nhận được với phần lớn nông dân và giúp họ thu hồi vốn đầu tư sản xuất trong trường hợp gặp rủi ro. Như vậy, chính sách trợ cấp phí BH đối với BH NTTS của Trung Quốc tương tự như Việt Nam, điểm khác biệt có chăng là mức trợ cấp phí BH cao hơn đối với một số đối tượng nuôi hoặc mô hình BH cụ thể tại một số địa phương nơi có nguồn lực ngân sách dồi dào.

Tuy nhiên, chính sách trợ cấp phí BH NTTS của Trung Quốc có 3 vấn đề đáng lưu ý. *Thứ nhất*, mức trợ cấp phí BH tùy thuộc vào đối tượng được BH nhưng không phụ thuộc vào khả năng tài chính của khách hàng mua BH (không ưu đãi hộ nghèo và cận nghèo). *Thứ hai*, việc phân cấp quản lý BH đến chính quyền tỉnh/huyện tạo điều kiện chủ động cho các địa phương trong việc quyết định các khoản hỗ trợ kèm theo. *Thứ ba*, bên cạnh việc trợ cấp trực tiếp cho nông dân thông qua hỗ trợ phí BH, một số tỉnh đã thực hiện hỗ trợ tài chính cho công ty BH trong trường hợp tỷ lệ thua lỗ vượt quá khả năng chi trả của công ty BH. Những quy định này đã góp phần thúc đẩy sự tham gia của người mua và người bán BH vào thị trường BH NTTS mới hình thành; đây cũng là điều mà các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam cần quan tâm, xem xét.

### Tái BH

Việc Trung Quốc tiến hành thí điểm BH NTTS cho nhiều đối tượng và trên nhiều địa bàn có khí hậu khác nhau cho phép rút ra nhiều kinh nghiệm khi áp dụng trên diện rộng, nhưng cũng đặt ra vấn đề thiếu dữ liệu về tổn thất lịch sử đối với vùng nuôi mới hoặc đối tượng NTTS khác. Thiếu những dữ liệu này dẫn đến thách thức lớn trong việc đánh giá rủi ro thiên tai hoặc đối với mô hình BH đa hiểm họa vì thiếu căn cứ hoặc cơ sở khách quan để xây dựng các mức bồi thường trong trường hợp xảy ra tổn thất do thiên tai hoặc thiếu cơ sở để phân định bệnh tật xảy ra ở mức dịch bệnh thông thường hay ở mức thảm họa. Điều này dẫn đến các công ty BH không thể chuyển giao rủi ro đầy đủ cho các công ty tái BH quốc tế, vì thế phải chịu nguy cơ bị tổn thất cao.

### Đổi mới, đa dạng hóa mô hình và sản phẩm BH

Bốn mô hình BH khác nhau đã được thực hiện thử nghiệm trong Chương trình thí điểm BH NTTS ở Trung Quốc gồm: BH tương hỗ, BH thương mại, BH tương hỗ + thương mại và thương mại + dịch vụ. Sự đa dạng và đổi mới mô hình BH đã giúp Chương trình thực hiện đa dạng hóa các sản phẩm BH, đồng thời giúp các nhà hoạch định chính sách tìm kiếm những bằng chứng và cơ sở để xây dựng và triển khai BH NTTS trong tương lai. Chẳng hạn, mô hình BH ‘tương hỗ + thương mại’ và ‘thương mại + dịch vụ’ đã chứng tỏ thành công trong BH nuôi cá ở tỉnh An Huy và BH nuôi tôm ở Thượng Hải. Công ty BH thương mại hưởng lợi từ việc sử dụng các kỹ thuật viên của HTX NTTS trong việc xác định và đánh giá rủi ro (tiết kiệm được chi phí thuê bên thứ ba giám định tổn thất). Cả hai bên đều hưởng lợi từ mô hình, chẳng hạn như bên tham gia BH được tiền thưởng

cho tỷ lệ tổn thất thấp và bên bán BH giảm được chi phí quản lý, quan trọng hơn mô hình này đã khuyến khích nông dân áp dụng các biện pháp quản lý tốt hơn nhằm giảm rủi ro và tăng năng suất.

### Nhàm ý chính sách phát triển thị trường BH NTTS tại Việt Nam

Với 8 doanh nghiệp BH tham gia, 2 phương thức BH (tương hỗ và thương mại), 4 loại hình sản phẩm (BH tương hỗ, BH tương hỗ + thương mại, BH thương mại, BH thương mại + dịch vụ) cho thấy sự đa dạng về phía cung đối với thị trường BH NTTS của Trung Quốc. Để có được kết quả này, chính sách BH của Trung Quốc đã được triển khai theo hướng “khuyến khích” doanh nghiệp tham gia và thử nghiệm sản phẩm. Đối chiếu với Chương trình BH NTTS theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ, Cục Quản lý, Giám sát (Bộ Tài chính) đã phê chuẩn sản phẩm BH cho tôm thẻ chân trắng (ngày 26/5/2020) của Tổng công ty BH Bảo Việt và Tổng công ty BH Bảo Minh, thực hiện theo phương thức BH thương mại và áp dụng một loại hình BH bồi thường đi kèm với 3 lựa chọn về sản phẩm BH (theo phương thức nuôi tôm), có thể thấy nguồn cung BH NTTS ở nước ta rất nghèo nàn về sản phẩm và doanh nghiệp BH.

Về phía cầu, các đề án thí điểm BH NTTS của Trung Quốc chủ trương lựa chọn các hộ trang trại, HTX có quy mô nuôi trồng vừa và lớn, sản xuất hàng hóa, tiến hành trợ cấp phí BH. Mục tiêu mà các nhà hoạch định chính sách BH NTTS Trung Quốc hướng đến là thông qua BHNN để thay đổi tập quán sản xuất (cũ, lạc hậu) của đại bộ phận hộ NTTS và đây là việc khó, lâu dài nên cách làm phải từ những chủ thể đang có nhu cầu sản xuất hàng hóa và có khả năng về tài chính để đầu tư vào hoạt động giảm thiểu rủi ro. Việc lựa chọn những chủ thể này tham gia BH sẽ là tấm gương “lôi kéo” số hộ còn lại. Các biện pháp mà Trung Quốc thực hiện khác với chính sách hỗ trợ phí BH cho đối tượng tham gia theo mức độ nghèo quy định tại Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg ngày 26/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Từ những điều rút ra trong Chương trình thí điểm BH NTTS ở Trung Quốc, chính sách phát triển BH NTTS của Việt Nam có thể tham khảo, vận dụng ở những điểm sau:

*Về chính sách hỗ trợ người mua BH:* các đề án thí điểm BH NTTS của Trung Quốc trợ cấp cho đối tượng mua BH nhưng không phụ thuộc vào khả năng tài chính của người mua, mức trợ cấp không quá 80% phí BH, cho phép sử dụng hợp đồng BH như là tài sản đảm bảo khi vay vốn ngân hàng. Đối chiếu với Nghị định 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ và Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg, Thông tư 09/2020/TT-BNNPTNT về hướng dẫn xác nhận thiên tai, dịch bệnh trong thực hiện chính sách hỗ trợ BHNN do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) ban hành ngày 24/7/2020, chính sách hỗ trợ người mua BH mới chỉ tập trung vào hỗ trợ phí BH, mức trợ cấp và chưa có sự lồng ghép giữa BHNN với tiếp cận tín dụng. Do vậy, chính sách hỗ trợ BH được đề xuất như ở bảng 3.

**Bảng 3. Đề xuất chính sách phát triển BH NTTS.**

Đối tượng	Mức hỗ trợ	Văn bản quy định	Đề xuất
<b>1. Người mua BH</b>			
Hộ nghèo, cận nghèo	90% phí BH	Quyết định 22/2019/QĐ-TTg	Giữ nguyên
Hộ không nghèo	20% phí BH	Quyết định 22/2019/QĐ-TTg	Giữ nguyên
Doanh nghiệp, HTX	20% phí BH	Quyết định 22/2019/QĐ-TTg	Điều chỉnh tăng
<b>2. Doanh nghiệp BH</b>			
Các biện pháp để phòng, hạn chế tổn thất	10% doanh thu phí BH	Nghị định 58/2020/NĐ-CP	Hướng dẫn chế độ và định mức
Chi phí bán hàng, chi phí quản lý, chi phí hoa hồng BH	25% doanh thu phí BH	Thông tư 96/2013/TT-BTC ngày 23/7/2013 sửa đổi Thông tư 121/2011/TT-BTC ngày 17/8/2011 hướng dẫn Quyết định 315/QĐ-TTg thực hiện thí điểm BHNN giai đoạn 2011-2013 và Thông tư 101/2012/TT-BTC ngày 20/6/2012 về tài chính đối với các doanh nghiệp BH, doanh nghiệp tái BH thực hiện thí điểm BHNN theo Quyết định 315/QĐ-TTg thực hiện thí điểm BHNN giai đoạn 2011-2013 do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	Hướng dẫn chế độ và định mức
Ưu đãi thuế cho doanh nghiệp BH	Chưa quy định		Miễn thuế doanh thu đối với BHNN
Chi phí dịch vụ, khí tượng thủy văn	Chưa quy định		Hỗ trợ 100%
3. Thông tin tuyên truyền về BHNN	Bộ NN&PTNT, UBND tỉnh tổ chức tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thực hiện BHNN (Điều 36, Điều 37 Nghị định 58/2020/NĐ-CP)		Bộ NN&PTNT xây dựng và triển khai chiến lược truyền thông BHNN
4. Tổ chức sản xuất nông nghiệp theo mô hình hợp tác, liên kết... gắn với BHNN	Nghị định 58/2018/NĐ-CP		Hỗ trợ mô hình điểm để nhân rộng

Cũng liên quan đến chính sách hỗ trợ người mua BH, Chính phủ cần nghiên cứu điều chỉnh nguyên tắc thực hiện BHNN (mục 2, Điều 5, Nghị định số 58/2020/NĐ-CP). Thay vì quy định như hiện nay: “BHNN được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện thỏa thuận” nên bổ sung trường hợp “hộ vay vốn ngân hàng để đầu tư sản xuất bắt buộc phải mua BHNN”. Đề xuất này dựa trên cơ sở coi BHNN là quyền lợi và nghĩa vụ của người nông dân, hộ sản xuất nông nghiệp mua BH nhằm bảo vệ cho chính mình và đảm bảo an toàn đối với đồng vốn vay và nghĩa vụ trả nợ.

*Về chính sách hỗ trợ người bán BH:* các đề án thí điểm BH NTTS của Trung Quốc đã triển khai đầy đủ và tối đa 4 hình thức hỗ trợ doanh nghiệp BH (hỗ trợ chi phí đào tạo, chi phí quản

lý và trích lập dự phòng, thuế, tái BH). Trong khi đó, sự hỗ trợ trực tiếp từ Chính phủ đối với doanh nghiệp BH tại Việt Nam rất hạn chế, chủ yếu thông qua hoạt động đào tạo. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp BH ở nước ta chỉ được phép sử dụng tối đa 25% doanh thu phí BH thủy sản cho các khoản chi bán hàng, chi quản lý, chi hoa hồng BH, chi hỗ trợ, chi thù lao để triển khai thí điểm BH thủy sản (Thông tư 96/2013/TT-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành mới hết hiệu lực ngày 2/6/2020). Như vậy, từ kinh nghiệm của Trung Quốc và các quy định hiện hành của Việt Nam, có thể thấy cần phải tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp BH hơn nữa thông qua các chính sách về ưu đãi thuế và tái BH.

*Về phương pháp chi trả BH:* trong hai phương pháp chi trả BH NTTS (BH theo chỉ số thời tiết và BH theo thiệt hại), phương pháp BH theo chỉ số thời tiết được áp dụng thí điểm tại nhiều nơi ở Trung Quốc cho thấy có tiềm năng áp dụng cho NTTS ở Việt Nam do khắc phục được vấn đề rủi ro đạo đức, lựa chọn đối nghịch (chỉ những hộ có khả năng bị rủi ro cao mới mua BH) và giảm thiểu chi phí quản lý. Mặt khác, áp dụng phương pháp BH theo chỉ số thời tiết trong NTTS sẽ giúp tăng sản phẩm BH và đa dạng hoá lựa chọn sản phẩm cho người mua BH. Tuy nhiên, phương pháp này đòi hỏi phải có sự tham gia của cơ quan chuyên môn về khí tượng thủy văn trong việc xây dựng chỉ số đánh giá rủi ro NTTS cũng như xây dựng đề án phát triển BH NTTS với cơ chế chính sách đặc thù và lộ trình đầu tư cụ thể.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1] Food and Agriculture Organization (1999), *Design assistance and operational advice for an agricultural insurance programme in the Social Republic of Vietnam*.

[2] Nguyễn Tuấn Sơn (2008), “Nghiên cứu vận dụng phương pháp chỉ số trong BHNN Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, 4, tr.367-374.

[3] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2014), *Hội nghị tổng kết chương trình thí điểm BHNN tại 20 tỉnh/thành phố theo Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 1/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ*.

[4] Zhang Weiguang (2016), *Overview of national policies and programmes on aquaculture insurance in China: opportunities and challenges*, Report of the FAO workshop on development of aquaculture insurance system for small-scale farmers.

[5] Ming Junchao (2016), *Experience from aquaculture insurance pilot programmes in China*, Report of the FAO workshop on development of aquaculture insurance system for small-scale farmers.

[6] Food and Agriculture Organization (2017), *Fishery and aquaculture insurance in China*.

[7] Xianglin Liu (2016), *Three essays in agriculture insurance*, Ohio State University.